TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HS-ST
Ngày: 15/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng T.

2. Ông Nguyễn Văn M.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích T1 – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu L– Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Thanh T2 (tên gọi khác: Bé Ba), sinh năm 1981 tại huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Ấp Mỹ Phú 5, xã TL, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm Thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T3 và bà Trang Thị B;

Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án, tại bản án số 29/2012/HSST ngày 27/12/2012 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận xử phạt 07 năm tù về tội Cướp tài sản, chấp hành xong vào tháng 02/2019, bị cáo chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/7/2019 đến nay và có mặt tại phiên tòa;

Người bào chữa cho bị cáo: Bùi Minh T3- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Long.

* Bị hại: Phạm Văn C, sinh năm 1982 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Minh T4, sinh năm 1983 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Mỹ Thạnh X, xã LS, huyện T.Ô, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 11/7/2019 Bùi Thanh T2, sinh năm 1981, ngụ ấp Mỹ Phú X, xã TL, huyện T, tỉnh Vĩnh Long đến Chùa Phước Quang 2, thuộc khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long để đốt nhang tại tượng phật Quan Âm trước sân chùa, lúc này T2 nhặt được 01 chìa khóa xe mô tô (không thu giữ được) gần vị trí tượng phật. T2 đi vòng quanh sân chùa thì phát hiện 02 xe mô tô trong sân chùa và không có người trông coi. T2 nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T2 lén lút lại gần vị trí xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ, đen biển số 64P1-0261 do ông Phạm Văn C, sinh năm 1982, ngụ khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long đứng tên chủ sở hữu. T2 dùng chìa khóa vừa nhặt được mở khóa xe rồi điều khiển xe lên thành phố X. Đến khoảng 07 giờ ngày 19/7/2019 T2 điều khiển xe mô tô biển số 64P1-0261 đến bãi giữ xe của Trung tâm y tế huyện L thì bị Công an thị trấn L kiểm tra, bắt giữ cùng tang vật bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T xử lý.

Tang vật thu giữ gồm:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ, đen biển số 64P1-0261 bên trong cốp xe có 01 áo sơ mi tay ngắn, sọc xanh, trắng hiệu FOUR STARS đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Itel,màu đen, số Imei 1: 355057091245846, số Imei 2: 355057091245853 đã qua sử dụng;

- 01 (một) cái bóp da màu nâu có dòng chữ POLO MEISDO đã qua sử dụng, bên trong có số tiền 1.175.000 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)

Qua quá trình điều tra ban đầu bị cáo Bùi Thanh T2 đã khai nhận hành vi lấy trộm xe mô tô mang biển số 64P1-0261, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn: Đỏ- đen của ông Phạm Văn Cung.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản số: 161/KL.ĐGTS ngày 05/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận:

Một xe mô tô mang biển số 64P1- 0261, nhãn hiệu Sirius, đăng ký lần đầu năm 2009 có giá trị bình quân thị trường là: 9.000.000 đồng (chín triệu đồng);

Xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 34 ngày 23/8/2019 trả lại cho Phạm Văn C 01 xe mô tô mang biển số 64P1- 0261, nhãn hiệu Sirius, màu sơn: Đỏ- đen;

Trả lại cho Bùi Thanh T2 01 áo sơ mi tay ngắn, sọc xanh, trắng hiệu FOUR STARS đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Itel, màu đen, số Imei 1: 355057091245846, số Imei 2: 355057091245853 đã qua sử dụng; 01 cái bóp da

màu nâu có dòng chữ POLO MEISDO đã qua sử dụng, bên trong có số tiền 1.175.000 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Phạm Văn C đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu gì thêm.

Ông Nguyễn Minh T4 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu.

Bản cáo trạng số: 51/CT-VKSTB ngày 18/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Bùi Thanh T2 về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tại phiên toà bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình theo như cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa sơ thẩm, kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Bùi Thanh T2 về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Sau khi phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo Kiểm sát viên đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự:

- Đề nghị: Tuyên bố bị cáo Bùi Thanh T2 phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Áp dụng Điều 38, các điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự đề nghị tuyên xử bị cáo Bùi Thanh T2 mức án từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù (một năm sáu tháng tù) .

Về xử lý vật chứng:

Bị hại Phạm Văn C đã nhận lại tài sản là một xe mô tô mang biển số 64P1-0261, nhãn hiệu Sirius, màu sơn: Đỏ- đen;

Bị cáo Bùi Thanh T2 đã nhận lại 01 áo sơ mi tay ngắn, sọc xanh, trắng hiệu FOUR STARS đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Itel, màu đen, số Imei 1: 355057091245846, số Imei 2: 355057091245853 đã qua sử dụng; 01 cái bóp da màu nâu có dòng chữ POLO MEISDO đã qua sử dụng, bên trong có số tiền 1.175.000 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phạm Văn C đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu gì thêm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Minh T4 không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo T2: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải tất cả những hành vi vi phạm của mình đã làm, bị cáo cũng tha thiết xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để trở về hòa nhập với cộng đồng làm một người tốt giúp ích cho xã hội.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những quan điểm trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 điều 51 bộ luật hình sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 để miễn án phí cho bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của mức án mà viện kiểm sát truy tố (01 năm tù). Với mức án đó cũng đủ giáo dục cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội làm việc, phụ giúp gia đình. Qua đó thể hiện sự nhân đạo của Nhà nước ta trong công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm để bị cáo có thể sửa chữa lỗi lầm và làm lại cuộc đời.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết mình sai và ăn năn hối cải rất nhiều mong muốn được sự khoan hồng của Pháp luật để sớm được về chăm sóc cho cha mẹ già và có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đối với các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ và hợp pháp.

Về việc bị hại trong vụ án ông Phạm Văn C và người có quyền lợi, liên quan đến vụ án ông Nguyễn Minh T4 đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Trong quá trình điều tra vụ án tại Cơ quan điều tra ông C đã được nhận lại xe mô tô biển số 64P1 – 0261 và không có yêu cầu gì thêm trong vụ án. Xét việc ông C, ông T4 vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản hỏi cung bị can cùng các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 11/7/2019 Bùi Thanh T2, sinh năm 1981, ngụ ấp Mỹ Phú X, xã TL, huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã có hành vi lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ, đen biển số 64P1-0261 do ông Phạm Văn C, sinh năm 1982, ngụ khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long đứng tên chủ sở hữu. T2 dùng chìa khóa vừa nhặt được mở khóa xe rồi điều khiển xe lên thành phố X. Đến khoảng 07 giờ ngày 19/7/2019 bị cáo T2 điều khiển xe mô tô biển số 64P1-0261 đến bãi giữ xe của Trung tâm y tế huyện L thì bị Công an thị trấn L kiểm tra, bắt giữ cùng tang vật bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T xử lý.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo T2 thừa nhận hành vi phạm tội; bị cáo không có nghề nghiệp ổn định. Bản thân có tiền án, mới chấp hành xong hình phạt tù vào tháng 02/2019 chưa được xóa án tích thì lại tiếp tục phạm tội đây là hành vi tái phạm.

Hành vi của bị cáo T2 đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản*" được quy định tại các khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo với tội danh và điều luật như trong Cáo trạng và lời luận tội của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

[3] Xét tính chất vụ án: Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mặc dù nhận thức được hành vi lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì lòng tham mà bị cáo xem thường tài sản của người khác, sau khi nhặt được chìa khóa xe đã không tìm người trả lại hoặc báo với bảo vệ Chùa mà lợi dụng sự vắng chủ đã lén lút chiếm đoạt tài sản nhằm mục đích vụ lợi, phục vụ cho nhu cầu cá nhân của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, chính hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an ở địa phương. Với hành vi nêu trên của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo để bị cáo được cải tạo trở thành người tốt sau này đồng thời có tác dụng phòng ngừa chung trong nhân dân.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T2 có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tại bản án số 29/2012/HSST ngày 27/12/2012 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận xử phạt 07 năm tù về tội Cướp tài sản, chấp hành xong vào tháng 02/2019 chưa được xóa án tích lại tái phạm, lẽ ra sau khi được cải tạo, giáo dục bị cáo phải thấy được việc làm sai trái và từ bỏ những hành vi đó để trở thành người hữu ích cho gia đình và xã hội nhưng ngược lại bị cáo lại tiếp tục phạm tội, như vậy chứng tỏ rằng bị cáo hết sức xem thường pháp luật. Bị cáo T2 chưa được xóa án tích nay lại phạm tội "Trộm cắp tài sản" thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử nhận thấy: bản thân bị cáo T2 thuộc gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, gia đình là hộ nghèo, bị cáo có trình độ học vấn hạn chế, là nông dân lao động nên việc nhận thức pháp luật còn hạn chế phạm tội gây thiệt hại không lớn; Bị cáo sau khi phạm tội đã đã thành khẩn khai báo nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về yêu cầu của người bào chữa: Hội đồng xét xử sau khi xem xét tính chất vụ án mức độ phạm tội cùng với các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo Trung nên xét yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của người bào chữa cho bị cáo T2 là chưa đủ cơ sở chấp nhận.

Về yêu cầu miễn án phí cho bị cáo T2 do bị cáo thuộc hộ nghèo có giấy chứng nhận hộ nghèo căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có cơ sở xem xét chấp nhận.

[7] Xử lý vật chứng: Bị hại Phạm Văn C đã nhận lại tài sản là một xe mô tô mang biển số 64P1- 0261, nhãn hiệu Sirius, màu sơn: Đỏ- đen;

Bị cáo Bùi Thanh T2 đã nhận lại 01 áo sơ mi tay ngắn, sọc xanh, trắng hiệu FOUR STARS đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Itel, màu đen, số Imei 1: 355057091245846, số Imei 2: 355057091245853 đã qua sử dụng; 01 cái bóp da màu nâu có dòng chữ POLO MEISDO đã qua sử dụng, bên trong có số tiền 1.175.000 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Phạm Văn C đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu gì thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Minh T4 không có yêu cầu gì trong vụ án này.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Bùi Thanh T2 thuộc hộ nghèo có giấy chứng nhận hộ nghèo nên bị cáo T2 thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

[10] Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Bùi Thanh T2 phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

1. Về hình phạt:

Căn cứ vào Điều 38, các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Thanh T2 01 năm 03 tháng tù (một năm ba tháng tù).

Thời hạn tù được tính kể từ ngày 19/7/2019.

2. Về xử lý vật chứng:

Bị hại Phạm Văn C đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm;

Bị cáo Bùi Thanh T2 đã nhận lại 01 áo sơ mi tay ngắn, sọc xanh, trắng hiệu FOUR STARS đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Itel, màu đen, số Imei 1: 355057091245846, số Imei 2: 355057091245853 đã qua sử dụng; 01 cái bóp da màu nâu có dòng chữ POLO MEISDO đã qua sử dụng, bên trong có số tiền 1.175.000 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) và không có yêu cầu gì thêm.

Về trách nhiệm dân sự: Phạm Văn C đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu gì thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Minh T4 không có yêu cầu gì trong vụ án này nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Bùi Thanh T2 thuộc hộ nghèo có giấy chứng nhận hộ nghèo nên bị cáo T2 thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với những người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (*mười lăm*) ngày được tính kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh VL : 01
- VKSND huyện T : 02
- VKSND tỉnh VL : 02
- CA.T: 01
- THADS T: 01
- Bị cáo: 01
- Những người tham gia tố tụng khác
- UBND xã TL, huyện T, T. Vĩnh Long
- Lưu HS : 03

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hồ Kim Liên